

Số: 104/TB-MNTA

Đông Triều, ngày 09 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý III năm 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “về việc Giao dự toán ngân sách năm 2020;

Căn cứ tình hình thực hiện thu – chi nguồn ngân sách quý III năm 2020 của trường Mầm non Tràng An;

Nhà trường Thông báo công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nước quý III năm 2020 (theo biểu mẫu số 03 ngày 9/10/2020 đính kèm).

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin của nhà trường.

Địa điểm niêm yết:

- Bảng tin trường mầm non Tràng An
- Địa chỉ trang điện tử: mntrangan@dongtrieu.edu.vn

Nơi nhận :

- Báo cáo
- BGH nhà trường;
- Lưu.

KT HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Chính

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON TRÀNG AN
Chương: 622 Loại 070 Khoản 071

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 09 tháng 10 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số: 104/TB- MNTA ngày 09/10/2020 của trường Mầm non Tràng An)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều “về việc Giao dự toán ngân sách năm 2020;

Trường Mầm non Tràng An công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý III năm 2020 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2020	Thực hiện quý III năm 2020	Thực hiện quý III/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	294,200,000	113,325,000	39	-
I	Số dư đầu năm 2020	1,200,000	1,200,000		
II	Số thu phí, lệ phí	293,000,000	112,125,000		
1	Học phí	293,000,000	112,125,000	38	
II	Thu sự nghiệp, thu khác	-	0	#DIV/0!	-
III	Chi từ nguồn thu phí được để lại	293,000,000	113,325,000	39	
1	Học phí	293,000,000	113,325,000	39	
1.1	Chi thanh toán cá nhân	117,200,000	46,050,000	39	
	Mục 6000: Tiền lương	117,200,000	44,850,000	38	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ cho học sinh		1,200,000		
1.2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	175,800,000	67,275,000	38	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	40,800,000	6,722,900	16	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	-	3,292,100	#DIV/0!	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	-	1,107,000	#DIV/0!	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	30,000,000		-	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	25,000,000		-	

	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	80,000,000	56,153,000	70	
IV	Chi từ nguồn thu sự nghiệp, thu khác	-	0	0	0
V	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	2,904,000,000	2,224,777,484	77	
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2,904,000,000	2,224,777,484	77	
1.1	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>2,303,000,000</u>	<u>1,636,001,354</u>	<u>71</u>	
	Mục 6000: Tiền lương	1,364,000,000	934,072,342	68	
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	-	10,298,900	#DIV/0!	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	600,000,000	430,745,102	72	
	Mục 6200: Tiền thưởng	15,000,000	10,800,000	72	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	4,000,000	-	0	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	320,000,000	250,085,010	78	
1.2	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>585,000,000</u>	<u>573,721,380</u>	<u>98</u>	
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	31,000,000	55,665,880	180	
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	52,000,000	54,282,000	104	
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	4,000,000	10,556,000	264	
	Mục 6650: Hội nghị	8,000,000	8,640,000	108	
	Mục 6700: Công tác phí	12,000,000	7,740,000	65	
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	54,000,000	49,142,400	91	
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	187,000,000	310,987,100	166	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	20,000,000	-	0	
	Mục 9950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	20,000,000			
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	181,000,000	68,108,000	38	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	16,000,000	8,600,000	54	
1.3	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>16,000,000</u>	<u>15,054,750</u>	<u>94</u>	
	Mục 7750: Chi khác	16,000,000	15,054,750	94	
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-		0	


Đỗ Thị Chính